

Bản án số: **18/2022/HNGĐ-ST**

Ngày 09/6/2022

“V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K - TỈNH NINH BÌNH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà : Ông Hoàng Ngọc Hưng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Phong

Bà Trần Thị Lệ Dung

Thư ký phiên toà: bà Nguyễn Thị Thúy Lan - Thư ký Toà án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K tham gia phiên tòa: ông Ninh Trọng Khánh - Kiểm sát viên.

Ngày 09/6/2022 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 31/2022/TLST-HNGĐ ngày 16/02/2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2022/QĐST-HNGĐ ngày 29/4/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 12/2022/QĐST-DS ngày 19/5/2022 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1987; nơi ĐKKHKT: Xóm 13, xã Đ, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Chỗ ở hiện nay: Thôn 5, xã Đ, huyện C, tỉnh Đắk Nông.

- **Bị đơn:** anh Đỗ Văn T, sinh năm 1983; nơi cư trú: Xóm 13, xã Đ, huyện K, tỉnh Ninh Bình.

Tại phiên tòa: Có mặt chị H, vắng mặt anh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, các tài liệu khác có trong hồ sơ và tại phiên tòa chị Nguyễn Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: chị (Nguyễn Thị H) kết hôn với anh Đỗ Văn T trên cơ sở tự nguyện, không bị ai lừa dối hay ép buộc, có đăng ký kết hôn vào ngày 05/12/2008 tại UBND xã Đ, huyện C, tỉnh Đắk Nông. Sau kết hôn vợ chồng chuyển về sinh sống cùng gia đình nhà chồng tại xóm 13, xã Đ, huyện K, tỉnh Ninh Bình (là quê anh T). Quá trình chung sống vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian

ngắn thì nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do chị H phát hiện anh T nghiện ma túy, chị đã nhiều lần động viên và đưa anh T đi cai nghiện, tuy nhiên anh T vẫn không từ bỏ được ma túy, mà ngày càng chơi bời hơn, dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau, không có tiếng nói chung, mạnh ai người đẩy làm, không ai quan tâm gì đến nhau nữa. Do không thể chung sống được với nhau nên tháng 3/2020 chị đã quay về nhà mẹ đẻ tại xã Đ, huyện C, tỉnh Đắk Nông để sinh sống cho đến nay, trong thời gian vợ chồng sống ly thân không ai quan tâm đến ai. Nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đỗ Văn T.

Về con chung: chị H xác nhận vợ chồng anh chị có 02 con chung là cháu Đỗ Duy K, sinh ngày 18/10/2009 và cháu Đỗ Phương O, sinh ngày 20/01/2012. Hiện nay cháu K đang ở với anh T, cháu O đang ở với chị H. Khi ly hôn chị H có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung là cháu Đỗ Phương O, đề nghị anh T trực tiếp nuôi dưỡng cháu K hai bên không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Về tài sản và nợ chung: chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn trong vụ án là anh Đỗ Văn T, nơi cư trú tại xóm 13, xã Đ, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện K đã giao thông báo về việc thụ lý vụ án, giao các tài liệu, chứng cứ theo đề nghị của nguyên đơn, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự cho anh T. Mặc dù anh T đang có mặt tại nơi cư trú xóm 13, xã Đ và anh T đã nhận được thông báo thụ lý vụ án cùng các văn bản tố tụng của Tòa án, biết rõ việc Tòa án nhân dân huyện K đang giải quyết vụ án ly hôn giữa chị H với anh, nhưng anh T không hợp tác, không đến Tòa án làm việc, không có văn bản nêu ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của chị H.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã xác minh:

Chính quyền địa phương xã Đ, huyện K cung cấp: anh Đỗ Văn T và chị Nguyễn Thị H là vợ chồng, anh chị ấy có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện C, tỉnh Đắk Nông vào năm 2008. Sau khi kết hôn vợ chồng anh T, chị H chuyển về xã Đ, huyện K sinh sống, quá trình chung sống, qua nắm bắt tình hình thì chính quyền địa phương được biết mâu thuẫn giữa anh T và chị H là do anh T nghiện ma túy dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau, đến khoảng năm 2020 chị H chuyển về quê ở Đắk Nông sinh sống. Về con chung: chị H và anh T có 02 con chung là cháu Đỗ Duy K, sinh ngày 18/10/2009 và cháu Đỗ Phương O, sinh ngày 20/01/2012. Về

công việc thì anh T và chị H đều là lao động tự do nên thu nhập thế nào địa phương không nắm được.

Bà Lại Thị H1 - mẹ đẻ anh T cung cấp: anh T là con trai bà, có kết hôn với chị H nhà ở huyện C, tỉnh Đắk Nông vào khoảng năm 2008. Sau khi kết hôn vợ chồng anh chị ấy chuyển về chung sống cùng gia đình bà tại xóm 13, xã Đ, huyện K, quá trình chung sống thì có xảy ra mâu thuẫn, lỗi chính là do anh T nghiện ma túy nên vợ chồng xảy ra cãi chửi nhau, tuy nhiên chị H cũng có quan hệ ngoài luồng với người khác, đã có người đến tận nhà nói chị H ngoại tình làm ảnh hưởng đến gia đình họ, bà có khuyên bảo anh chị ấy nhưng không được, khoảng đầu năm 2020 chị H đưa 02 cháu vào Đắk Nông sinh sống, nhưng cuộc sống trong đó vất vả bà có điện thoại cho chị H để chị H đưa các cháu về để bà chăm sóc, thì chị H có đưa các cháu về, đến khoảng giữa năm 2021 chị H quay lại đưa cháu O đi đâu gia đình không biết, bà có gọi điện chị H cũng không nghe máy. Nay chị H có đơn xin ly hôn anh T, bà H1 mong anh chị ấy về đoàn tụ nuôi dạy con cái, nếu chị H vẫn quyết tâm ly hôn thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật, anh T đã nhận được các giấy tờ của Tòa án nhưng không đến Tòa án làm việc vì anh T và gia đình bà là gia đình công giáo nên không được phép ly hôn.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát phát biểu: Về việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký tòa án, Hội đồng xét xử (HĐXX) đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng. Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về quyền, nghĩa vụ của mình; bị đơn không thực hiện đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về quyền, nghĩa vụ của mình. Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Xử cho chị H ly hôn anh T. Giao con chung là cháu Đỗ Phương O, sinh ngày 20/01/2012 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng; giao con chung là cháu Đỗ Duy K, sinh ngày 18/10/2009 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng; anh T, chị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau; chị H, anh T có quyền thăm nom con chung. Về án phí: chị H phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở xem xét đầy đủ các tài liệu có tại hồ sơ cũng như kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: đây là quan hệ tranh chấp về “Hôn nhân và gia đình” quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn anh Đỗ Văn T, sinh năm 1983; trú tại: xóm 13, xã Đ, huyện K, tỉnh Ninh Bình nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình theo quy định tại khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện K đã tổng đạt giấy triệu tập, quyết định đưa vụ án ra xét xử và các văn bản tố tụng khác theo quy định của pháp luật cho các bên đương sự. Tuy nhiên, tại phiên tòa lần thứ nhất vào ngày 19/5/2022 anh Đỗ Văn T là bị đơn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, nên Hội đồng xét xử đã quyết định hoãn phiên tòa. Tại phiên tòa lần thứ hai ngày 09/6/2022 Tòa án đã tổng đạt hợp lệ quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh Đỗ Văn T vẫn tiếp tục vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn anh Đỗ Văn T theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: chị Nguyễn Thị H và anh Đỗ Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được tự do tìm hiểu, không bị ai lừa dối hay ép buộc và có đăng ký kết hôn ngày 05/12/2008 tại UBND xã Đ, huyện C, tỉnh Đắk Nông. Do đó, Hội đồng xét xử xác định đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Theo quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân gia đình, thì vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình, nhưng giữa anh T và chị H không tôn trọng nhau trong cuộc sống, vợ chồng chung sống với nhau được một thời gian thì đã phát sinh mâu thuẫn và sống ly thân nhau, nguyên nhân chủ yếu là do anh T ham chơi, nghiện ma túy, không quan tâm gì đến gia đình. Chị H động viên khuyên bảo anh T nhiều lần nhưng anh T vẫn không từ bỏ được ma túy, dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi chửi nhau và đã sống ly thân nhau từ nhiều năm nay.

Xét thấy trong quá trình giải quyết vụ án anh Đỗ Văn T biết việc chị H xin ly hôn, nhưng anh không có biện pháp nào để cải thiện đời sống chung của vợ chồng, không có thiện chí hòa giải, có ý bỏ mặc, không quan tâm, không có biện pháp khắc phục mâu thuẫn vợ chồng, hiện nay vợ chồng vẫn sống ly thân. Điều đó chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình xử cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Đỗ Văn T là phù hợp.

[3] Về con chung: chị H, anh T có 02 con chung là cháu Đỗ Duy K, sinh ngày 18/10/2009 và cháu Đỗ Phương O, sinh ngày 20/01/2012. Hiện nay cháu K đang ở

với anh T, cháu O đang ở với chị H. Chị H có nguyện vọng xin được tiếp tục nuôi dưỡng cháu O, đề nghị anh T tiếp tục nuôi dưỡng cháu K, do mỗi người nuôi một người con chung nên không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau; anh T không có ý kiến gì về con chung. HĐXX xét thấy từ khi vợ chồng sống ly thân cho đến nay cháu K vẫn ở cùng anh T, cháu O ở cùng chị H; nguyện vọng cháu K muốn được ở với bố, còn cháu O có nguyện vọng được ở với mẹ. Vì vậy, cần chấp nhận đề nghị của chị H, đồng thời cũng phù hợp với nguyện vọng của các cháu, nên cần giao chị H tiếp tục nuôi dưỡng cháu Đỗ Phương O, sinh ngày 20/01/2012; giao anh T tiếp tục nuôi dưỡng cháu Đỗ Duy K, sinh ngày 18/10/2009 và hai bên không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau như sự tự nguyện của chị H là phù hợp.

[4] Về tài sản và nợ chung: chị H xác định vợ chồng không có tài sản chung, không có khoản nợ nào chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; còn anh T không có ý kiến gì. Vì vậy, HĐXX không xem xét.

[5] Về án phí: chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 19; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; khoản 3 Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị H và anh Đỗ Văn T.
2. Về nuôi con chung: giao con chung là cháu Đỗ Phương O, sinh ngày 20/01/2012 cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu O đủ 18 tuổi; giao con chung là cháu Đỗ Duy K, sinh ngày 18/10/2009 cho anh Đỗ Văn T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu K đủ 18 tuổi. Anh T, chị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Anh T, chị H có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở và không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của người trực tiếp nuôi con. Khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.
3. Về án phí: chị Nguyễn Thị H phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền

tạm ứng án phí số AA/2021/0004512 ngày 16/02/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện K; chị H đã nộp đủ.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh NB;
- VKS huyện K;
- THADS huyện K;
- UBND xã xã Đ, huyện C, tỉnh Đắk Nông;
- Các đương sự;
- Lưu.

THAY MẶT HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Hoàng Ngọc Hưng